Phụ lục II

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Kế hoạch số 366 /KH-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
1	Cộng đồng ven biển thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam - tỉnh Sóc Trăng	2026 - 2030	82.238	- Vốn ODA - Vốn ngân sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
2	Trồng rừng phòng hộ (451 ha)	2026 - 2030	156.993	Ngân sách nhà nước, nguồn vốn tài trợ trong và ngoài nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
3	Dự án điều tra nguồn lợi thủy sản vùng ven biển và vùng lộng phục vụ công tác quản lý khai thác, bảo vệ, phát triển và tái tạo nguồn lợi thủy sản	2026 - 2028	2.000	Vốn ngân sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
4	Điều tra đánh giá hiện trạng, trữ lượng tài nguyên cát đã phát hiện (từ bờ ra 6 hải lý) và đề xuất giải pháp quản lý, giám sát sự dịch chuyển và biến động của các bãi, cồn cát ngầm để phục vụ công tác quản lý tài nguyên biển hải đảo theo hướng bền vững	2028 - 2029	5.000	Vốn ngân sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
5	Xây dựng các kịch bản thích ứng với biến đổi khí hậu vùng bờ với các yếu tố cơ bản: sóng, dòng chảy, mực nước biển dâng, xâm nhập mặn, sạt lở bờ biển, thay đổi sinh thái ven biển	2028 - 2029	5.500	Vốn ngân sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
6	Kế hoạch Phát triển nuôi cá tra nước lợ vùng ven biển ở Cần Thơ	2026 - 2030	2.400	Vốn ngân sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
7	Đa dạng hóa và nâng cấp chất lượng sản xuất giống thủy sản thích ứng Biến đổi khí hậu ở Cần Thơ	2026 - 2030	2.000	Vốn ngân sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Đề án chuyển đổi nghề khai thác hải sản ảnh hưởng đến môi trường sinh thái trên địa bàn thành phố Cần Thơ	2027 - 2030	16.000	- Vốn ngân sách - Xã hội hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
9	Kế hoạch Phát triển khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản hiệu quả, bền vững tại 06 phường, xã ven biển	2027 - 2030	4.000	- Vốn ngân sách - Xã hội hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
10	Hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng ven biển	2026 - 2030	100.000	- Nguồn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia - Nguồn xã hội hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
11	Tuyên truyền chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU) trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	2026 - 2030	5.000	- Ngân sách sự nghiệp thủy sản - Ngân sách tuyên truyền phổ biến pháp luật - Các Chương trình mục tiêu quốc gia	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
12	Chương trình giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số ven biển	2026 - 2030	200.000	- Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia - Ngân sách nhà nước - Vốn tín dụng chính sách - Nguồn xã hội hóa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
13	Mỏ cát biển Tiểu khu B1.1 trong khu B1	2026 - 2030		Ngoài ngân sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đã cấp giấy phép
14	Mỏ cát biển Tiểu khu B1.2 trong khu B1	2026 - 2030		Ngoài ngân sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
15	Mỏ cát biển Tiểu khu B1.4 trong khu B1	2026 - 2030		Ngoài ngân sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
16	Mỏ cát biển Tiểu khu B1.5 trong khu B1	2026 - 2030		Ngoài ngân sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
17	Mỏ cát biển Tiểu khu B1.6 trong khu B1	2026 - 2030		Ngoài ngân sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
18	Mỏ cát biển Tiểu khu B1.7 trong khu B1	2026 - 2030		Ngoài ngân sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
19	Mỏ cát biển Tiểu khu B1.8 trong khu B1	2026 - 2030		Ngoài ngân sách	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
20	Nhà máy điện gió số 7 - giai đoạn 2 (90MW)	2026 - 2027	3.728.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư
21	Nhà máy điện gió số 2 - Sóc Trăng (30MW)	2026 - 2027	1.481.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư
22	Nhà máy điện gió số 18 (22,4MW)	2026 - 2028	833.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư
23	Nhà máy điện gió số 11 (100,8MW)	2026 - 2028	4.272.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư
24	Nhà máy điện gió Trần Đề (50MW)	2026 - 2028	2.097.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư
25	Nhà máy điện gió Sông Hậu (50MW)	2026 - 2028	2.080.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư
26	Nhà máy điện gió BCG Sóc Trăng 1 (50MW)	2026 - 2028	1.945.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư
27	Nhà máy điện gió Sóc Trăng 16 (40MW)	2027 - 2028	1.549.200	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
28	Nhà máy điện gió khu vực bãi bồi ven biển Phường 2, xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu (30MW)	2027 - 2028	1.122.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư
29	Nhà máy Điện gió Lạc Hòa 3 (50MW)	2027 - 2028	2.189.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư
30	Cụm Nhà máy điện gió Phú Cường 1A và 1B (200MW)	2026 - 2029	9.139.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư
31	Nhà máy điện gió Sóc Trăng 4 (350MW)	2026 - 2029	14.500.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư
32	Điện gió Vĩnh Hải 1 (400MW)	2026 - 2029	15.900.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư
33	Nhà máy điện gió khu vực gần bờ biển xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu 129MW)	2026 - 2029	5.890.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư
34	Điện gió Mỹ Thanh (68MW)	2026 - 2029	2.936.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đã cấp chủ trương đầu tư
35	Nhà máy điện gió khu vực gần bờ biển phường Vĩnh Phước, xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu (30MW)	2027 - 2028	1.129.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đang lựa chọn nhà đầu tư
36	Nhà máy điện gió khu vực rừng phòng hộ và bãi bồi xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu (30MW)	2027 - 2028	1.221.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đang lựa chọn nhà đầu tư

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
37	Điện gió Vĩnh Tân (200MW)	2027 - 2029	9.119.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đang lựa chọn nhà đầu tư
38	Điện gió Vĩnh Hải 2 (270MW)	2027 - 2029	11.005.000	Ngoài ngân sách	Sở Công Thương	Đang lựa chọn nhà đầu tư
39	Đào tạo nguồn nhân lực dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế biển	2026 - 2030	210.000	- Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo - Nguồn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia - Nguồn xã hội hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo	
40	Đào tạo nguồn nhân lực dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế biển	2026 - 2030	210.000	- Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo - Nguồn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia - Nguồn xã hội hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo	
41	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức vùng đồng bào dân tộc thiểu số ven biển	2026 - 2030	15.000	- Nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức - Nguồn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia	Sở Nội vụ	
42	Xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số phục vụ kinh tế biển	2026 - 2027	500	- Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo - Nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức - Nguồn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia - Nguồn xã hội hóa	Sở Nội vụ	

Stt	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
43	Phát triển hợp tác xã và tổ hợp tác của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với kinh tế biển	2026 - 2030	30.000	- Kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi sự nghiệp theo từng giai đoạn - Nguồn lồng ghép từ các Chương trình mục tiêu quốc gia - Nguồn xã hội hóa	Liên minh Hợp tác xã	
44	Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc gắn với phát triển du lịch biển	2026 - 2030	20.000		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
45	Xây dựng các tuyến, điểm du lịch cộng đồng vùng đồng bào dân tộc thiểu số ven biển	2026 - 2030	80.000	- Ngân sách nhà nước - Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển du lịch - Nguồn xã hội hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
46	Phát huy vai trò các tổ chức tôn giáo tham gia phát triển cộng đồng ven biển	2026 - 2030	10.000	- Ngân sách nhà nước (chi sự nghiệp công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo) - Nguồn xã hội hóa	Sở Dân tộc và Tôn giáo	
47	Chương trình "Tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường biển và ứng phó biến đổi khí hậu"	2026 - 2030	10.000	- Ngân sách sự nghiệp môi trường; - Các Chương trình mục tiêu quốc gia - Nguồn xã hội hóa	Sở Dân tộc và Tôn giáo	
48	Xây dựng cơ sở dữ liệu dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ quy hoạch phát triển kinh tế biển	2026 - 2030	10.000	- Ngân sách nhà nước (chi chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin) - Nguồn cải cách hành chính	Sở Dân tộc và Tôn giáo	
49	Phát triển đội ngũ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham gia tuyên truyền phát triển kinh tế biển	2026 - 2030	5.000	- Ngân sách nhà nước - Các Chương trình mục tiêu quốc gia	Sở Dân tộc và Tôn giáo	
50	Chuyển đổi số vùng đồng bào dân tộc thiểu số ven biển	2026 - 2030	20.000	- Ngân sách nhà nước - Các Chương trình mục tiêu quốc gia - Nguồn xã hội hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	